

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS -ST

Ngày: 10/6/2025

V/v: “T/c về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOA LƯ TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Thúy Thu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Thọ.

Ông Nguyễn Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Hương- Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 (số, ngày thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư) về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: xóm C, thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Mạnh L1, sinh năm 1991; Địa chỉ: xóm C, thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Nguyễn Sỹ Đ, sinh năm 1985; Nơi thường trú: xóm C, thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm M, P, T, Bắc Ninh.

Người làm chứng: + Chị Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Vũ Thế A, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn X, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên Toà: có mặt: bà N, bà L, anh L1, anh Thế A; vắng mặt có lý do: anh Đ, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:* Do quan hệ quen biết, bà đã cho bà L nhiều lần vay tiền cụ thể:

- Lần 1: Ngày 11/11/2019 âm lịch (tức ngày 06/12/2019 dương lịch) bà L viết, ký giấy vay tiền của bà, số tiền vay là 359.000.000đồng; mục đích vay: mua máy tính kinh doanh quán Internet; bà giao tiền mặt cho bà L tại nhà bà L. Hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên sau khi bà L viết giấy vay xong, bà có viết vào cuối giấy vay tiền số tiền lãi bà L phải trả cho bà là “lãi 12.040N/th” tức là lãi 12.040.000đ/tháng (tương đương 3,335%/tháng).

- Lần 2: ngày 15/11/2019 âm lịch (tức ngày 10/12/2019 dương lịch), bà L viết, ký giấy vay tiền của bà, số tiền vay là 172.950.000 đồng; mục đích vay: mua bất động sản chung với bạn; bà giao tiền mặt cho bà L tại nhà bà. Hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên sau khi bà L viết giấy vay xong, bà có viết vào cuối giấy vay tiền số tiền lãi bà L phải trả cho bà là “lãi 6.918.000/th” tức là lãi 6.918.000đ/tháng (tương đương 4%/tháng).

- Lần 3: Ngày 28/11/2019 âm lịch (tức ngày 23/12/2019 dương lịch), bà L viết, ký giấy vay tiền của bà, số tiền vay là 255.000.000 đồng; mục đích vay: mua bất động sản chung với bạn; bà giao tiền mặt cho bà L tại nhà bà. Hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên sau khi bà L viết giấy vay xong, bà có viết vào cuối giấy vay tiền số tiền lãi bà L phải trả cho bà là “lãi 8.840.000/th” tức là lãi 8.840.000đ/tháng (tương đương 3,45%/tháng).

Trong 03 giấy vay tiền nêu trên bà L đều viết “tôi Vũ Thị L chồng Nguyễn Sỹ Đ1 có vay của chị N số tiền...” nhưng thực chất chỉ có bà L đặt vấn đề vay và khi giao tiền bà cũng chỉ giao cho bà L còn ông Đ1 có biết bà L vay tiền để làm gì không thì bà không biết.

- Lần 4: ngày 14/01/2022 âm lịch (tức ngày ngày 14/02/2022 dương lịch) bà viết giấy vay tiền, bà L ký ghi rõ họ, tên xác nhận vay bà số tiền là 28.000.000 đồng; mục đích vay: mua máy tính, bà giao tiền mặt cho bà L tại nhà bà; lãi suất thỏa thuận miệng là 840.000đồng/ tháng (tương đương 3%/tháng), bà không ghi lãi suất trong giấy vay tiền.

Trong 04 giấy vay tiền đều không thỏa thuận thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận miệng khi nào bà cần thì bà L sẽ trả cho bà.

Tổng cộng bà L đã vay bà số tiền gốc là 814.950.000 đồng. Toàn bộ 04 lần vay trên đều là tiền gốc không có lần nào cộng tiền lãi vào tiền gốc như bà L đã khai, vay

tiền mặt chứ không phải là bốc ống. Số tiền có số lẻ là do bà lấy hàng phân lân, phân đạm của bà L trừ tiền đi thì còn lại số tiền gốc như bà đã trình bày trên. Bà không ép buộc bà L viết giấy vay tiền.

Trong giấy vay tiền ngày 15/11/2019 âm lịch phần cuối bà có viết: ngày 22/01/2021 âm Lan nợ ông 1.300.000Đ (một triệu ba trăm nghìn đồng), bà L ký xác nhận; L nợ lại 1.918.000 đồng (một triệu chín trăm mười tám nghìn) bà L ký xác nhận; L nợ 2.486.000đ. Đây là tiền bà L bốc ống, số tiền bốc ống bà L đã trả cho bà do vậy không liên quan đến 4 giấy vay tiền trên.

Sau khi vay bà L đã trả cho bà nhiều lần được tổng số tiền là 106.150.000 đồng, bà tính vào tiền lãi, cụ thể:

- Ngày 04/3/2024 âm lịch bà L và bà có viết ký giấy chốt lại với nhau trong thời gian từ ngày 20/01/2022 đến ngày 04/3/2024 âm lịch (tức ngày 12/4/2024 dương lịch) bà L trả cho bà được tổng số tiền là 46.150.000 đồng.

- Ngày 30/9/2024 dương lịch bà L và bà có viết ký chốt lại với nhau trong thời gian từ ngày 29/12/2023 âm tức ngày 08/2/2024 dương lịch đến ngày 30/9/2024 dương lịch bà L trả cho bà được tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L không trả nên bà đã khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình yêu cầu Bà L phải trả cho bà số tiền gốc là 814.950.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 20/10/2024 là 374.172.000 đồng - 106.150.000 đồng (bà L đã trả) = 268.022.000 đồng theo mức lãi suất 0,8%/tháng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 21/10/2024 cho đến khi bà L trả hết nợ cho bà.

Sau khi bà khởi kiện, Ngày 22/11/2024 bà L hẹn bà đến nhà để trả cho bà số tiền 270.000.000 đồng; Bà có viết cho bà L một giấy ghi: “ngày 22/11/2024 bà có nhận của chị L số tiền gốc là 270.000.000 đồng khoản vay này là hết”. Sau khi bà viết xong anh L1 con bà L có về và đưa cho bà số tiền 90.000.000 đồng tiền mặt, còn 180.000.000 đồng thì nói sẽ chuyển khoản và gọi chị H là người mua nhà đến. Chị H sau khi xem tờ giấy bà viết có nói là không được và bảo anh L1 viết lại giấy là giấy xóa nợ chị H đã đọc nội dung cho anh L1 viết, bà cũng nghe toàn bộ nội dung. Sau khi viết xong bà cầm số tiền 90.000.000 đồng cùng sổ sách của bà đi ra xe của con trai bà là Vũ Thế A thì gia đình nhà bà L hò bà mang tiền quay lại. Bà và con trai đã quay lại nhà bà L lúc đó chị H có nói đây là số tiền 90.000.000 đồng bà L đi vay để trả nếu bà không ký vào giấy xóa nợ thì sẽ không trả cho bà một đồng nào và bà phải trả số tiền 90.000.000 đồng đã cầm nên bà đã ký vào giấy xóa nợ, khi ký bà có viết nội dung bà có nhận tiền một khoản vay 270 triệu; mục đích bà ký giấy xóa nợ chỉ để nhận được khoản tiền 270.000.000 đồng thôi chứ bà không chấp nhận việc xóa nợ. Khi bà ký xong anh L1 đã chuyển khoản cho bà số tiền 180.000.000 đồng.

Theo giấy xóa nợ anh L1 con bà L viết và bà L nộp cho Tòa án có nội dung “Tên bà là Vũ Thị L...bà có vay của chị Đỗ Thị N số tiền 380.000.000 đồng, sau khi trả bà

còn nợ lại 270.000.000 đồng, hôm nay ngày 22/11/2024 bà đã trả đủ số tiền còn lại là 270.000.000 đồng với số tiền lãi là 0 đồng, với sự chứng kiến của chị Bùi Thị Thanh H, kể từ giờ giữa bà và chị Đỗ Thị N không nợ nhau một đồng nào nữa” và Giấy xóa nợ anh L1 viết đưa cho bà giữ có nội dung nội dung “tên bà là Vũ Thị L... bà có vay của bà Đỗ Thị N... sau khi đã trả 110.000.000 đồng còn vay số tiền 270.000.000 đồng, hôm nay ngày 22/11/2024 bà đã trả đủ số tiền 270.000.000 đồng với số tiền lãi 0 đồng... kể từ giờ giữa bà không còn nợ chị Đỗ Thị N một đồng nào nữa”, hai giấy xóa nợ bà L và bà nộp cho Tòa án cùng anh L1 viết nhưng có nội dung khác nhau song khi ký bà đều viết “tôi có nhận một khoản vay 270.000.000 đồng”.

Như vậy từ khi vay đến nay bà L đã trả được cho bà số tiền lãi là 106.150.000 đồng và số tiền gốc là 270.000.000 đồng.

Tính đến hết ngày 06/5/2025 bà L còn nợ bà số tiền gốc là 544.950.000 đồng và số tiền lãi là 294.012.000 đồng (tính lãi suất 0,8%/ tháng) và bà L phải tiếp tục trả lãi cho bà tính từ ngày 07/5/2025 đến khi bà L thanh toán hết nợ gốc cho bà.

Bà L nói vay tiền để chi tiêu cho gia đình có liên quan đến chồng là ông Đ1, ông Đ1 đã chết bà có đề nghị Tòa án đưa con của ông Đ1 là Nguyễn Sỹ Đ và Nguyễn Mạnh L1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng nay anh Đ và anh L1 đều trình bày là không liên quan và cũng không được thừa kế tài sản từ ông Đ1 nên bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà L phải trả tiền cho bà. Các khoản tiền bà cho bà L vay là tiền riêng của bà không liên quan đến chồng bà.

2. Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị L trình bày: Bà không có yêu cầu phản tố. Các giấy vay tiền bà N khởi kiện bà thực chất không phải là tiền gốc toàn bộ mà là khoản tiền lãi cộng với tiền gốc, cụ thể:

- Đối với giấy vay tiền ngày 11/11/2019 âm lịch bà có viết, ký vay bà N số tiền là 359.000.000 đồng nhưng thực chất chỉ có 116.640.000 đồng là tiền gốc, số tiền lãi là 243.000.000 đồng. Số tiền gốc 116.640.000 đồng bà vay bà N là hai khoản tiền ông và một khoản tiền mặt thời điểm vay là năm 2016 (bà không nhớ thời gian cụ thể). Tài liệu chứng cứ bà giao nộp cho Tòa án là một bản bà N viết nháp “gốc 9.720.000 x 12th = 116.640.000 + lãi 243.000.000 = 359.640.000”. Bà cũng không nhớ làm sao cộng lãi cả gốc và lãi thành 359.640.000 đồng; Bên dưới tờ giấy nháp sau khi bà N viết nội dung trên thì bà có viết (28/11/2019 25.5.000đ 11/11/2019 359.000đ) nghĩa là ngày 11/11/2019 bà còn nợ bà N số tiền gốc và lãi là 359.000.000 đồng. Lãi mỗi tháng bà phải trả đối với số tiền 100.000.000 đồng là 4.000.000 đồng. Nếu không trả được thì bà N sẽ tính số tiền lãi vào số tiền gốc nên mới ra được số tiền lãi và gốc là 359.000.000 đồng. Ngày 11/11/2019 (âm lịch) bà N ép bà viết, ký giấy vay tiền tại nhà bà, con trai bà là Nguyễn Mạnh L1 cũng biết. Bà N có nói với con trai bà và bà “Mày cứ viết vào sổ nợ này đi sau này chị em tính toán tao đã lấy hết số tiền nợ này của mày chưa”. Chính vì bà N nói như vậy nên bà đã không tố cáo hành

vi bà N ép buộc bà. Khoản tiền gốc mà bà vay bà N là để buôn bán phân lân phục vụ cho kinh tế gia đình, chồng bà ông Nguyễn Sỹ Đ1 cũng biết.

- Đối với giấy vay tiền ngày 15/11/2019 bà và bà N có thống nhất các khoản vay ông, bà N có viết vào tờ giấy bà đã giao nộp cho Tòa án nội dung: “Cộng ròn từ ngày 15/11/019 ông:

1. Khoản vay 64 triệu - Lãi gốc = 79.700.000

2. 10 triệu gốc + lãi = 12.400.000

3. Vay 20 triệu gốc + lãi = 28.000.000

4. Vay 5 triệu gốc + lãi = 7.730.000

5. Vay 43 triệu gốc + lãi = 60.415.000

188.245.000

- 15.300

172.945.000”

Sau khi bà N tính toán xong bà N yêu cầu bà viết, ký giấy vay tiền, thực chất số tiền 172.950.000 đồng mà bà viết chỉ có tiền gốc 142.000.000 đồng còn lại số tiền lãi là 46.245.000 đồng. Bà đã trả tiền mặt cho bà N là 15.300.000 đồng nên số tiền bà nợ lại bà N cả lãi và gốc số tiền là 172.945.000 đồng, viết làm tròn thành 172.950.000 đồng. Số tiền này là bà vay ông để lấy tiền mua phân lân, đạm bón, phục vụ cho gia đình chồng bà cũng biết. Ngoài ra bà còn viết tại sổ của bà nội dung:

“* ngày 16/8/2018 lãi 4.000.000đ/1tháng ông chuyển sang số tiền là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) (âm lịch)”.

* ngày 14/9/2018 1 ông chuyển sang số tiền là: 10.000.000đ (mười triệu đồng) (âm lịch).

* ngày 11/11/2018 1 ông chuyển sang số tiền là: 5.000.000đ (năm triệu đồng) (âm lịch).

* ngày 11/12/2018 (âm lịch) 3 ông chuyển sang số tiền là 64.000.000đ (sáu mươi tư triệu đồng chẵn).

* ngày 12/2/2019 (âm lịch) vay ông chuyển sang số tiền là 43.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn)”.

- Đối với giấy vay ngày 28/11/2019 âm lịch bà có viết, ký vay bà N số tiền là 255.000.000 đồng nhưng thực chất số tiền gốc bà vay là 90.000.000 đồng còn chồng bà là ông Nguyễn Sỹ Đ1 vay 20.000.000 đồng từ ngày 28/02/2019 đến thời điểm ngày 28/11/2019 là 9 tháng lãi nên bà N đã cộng số tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng của chồng bà vay mỗi tháng 7.520.000 đồng x 9 tháng = 67.680.000 đồng. Bà không nhớ số tiền 90.000.000 đồng tiền gốc bà vay vào thời điểm nào, nhưng ngày 28/11/2019 chốt lại thì số tiền gốc của bà là 90.000.000 đồng. số tiền lãi của số tiền 90.000.000 đồng là 98.000.000 đồng, cộng cả khoản tiền lãi của ông Đ1 và tiền gốc, lãi của bà thành số tiền 255.680.000 đồng làm tròn thành số tiền 255.000.000 đồng.

Bà N đã viết cho bà tờ giấy trong nội dung tờ giấy có ghi :
“67.680.000

188.000.000
255.680.000”.

- Đối với giấy vay tiền ngày 14/1/2022 bà N đã nộp cho Tòa án, bà không vay số tiền 28.000.000 đồng của bà N; trong giấy từ chữ viết “giấy vay tiền... người vay ký” là chữ của bà N còn chữ ký L, Vũ Thị L là chữ của bà nhưng bà không biết tại sao bà N lại có chữ ký, chữ viết của bà trong giấy vay tiền vì các giấy vay tiền bao giờ bà cũng là người viết nội dung và ký chứ không chỉ có mỗi chữ ký hơn nữa giấy vay tiền viết bút bi màu xanh mà bà lại ký bút bi màu đen.

Thực chất bà chỉ vay bà N 380.000.000 đồng vào cuối năm 2016, đầu năm 2017 và bà chỉ vay tiền mặt của bà N 90.000.000 đồng để mua máy tính còn lại các khoản tiền khác là vay ông, trả hàng ngày gốc và lãi không có tiền trả thì bà N cộng cả gốc và lãi lại thành tiền gốc và yêu cầu bà viết giấy vay. Đến khi bà bị vỡ nợ do kinh doanh internet vào dịch Covid không có khách và buôn bán lùn, đạm bị lỗ, bà đã nói với bà N để bà trả dần nhưng bà N gây áp lực, chửi bới bà và bắt bà ghi lãi cộng gốc mới ra số tiền 814.950.000 đồng như vậy. Sau khi chồng bà mất được một ngày bà N tự ra nhà bà nhiều lần đòi nợ bà. Bà có hẹn với bà N ngày 22/11/2024 mang sổ sách đến nhà bà đối chiếu thì bà sẽ trả hết nợ gốc còn lại là 270 triệu đồng. Lúc đó bà mới có số tiền 90 triệu đồng là tiền phúng viếng chồng bà, con bà là L1 nói bà còn nợ bà N bao nhiêu, lúc đó bà nói còn nợ 380.000.000 đồng, con bà nói sẽ vay thêm bên ngoài để trả cho bà. Ngày 22/11/2024 bà N đến nhà bà, bà có nói bà chỉ còn nợ lại bà N số tiền gốc 270 triệu đồng, bà N không nói gì và bà có đưa cho bà N số tiền 90 triệu đồng, bà N có viết cho bà giấy ghi ngày 22/11/2024 dương lịch như bà N đã khai ở trên, lúc đó con trai bà là L1 có xem tờ giấy bà N viết và bảo bà sao mẹ trả hết nợ cho bà N mà bà N lại viết như vậy còn tiền lãi mai sau bà N lại đòi thì sao. Con trai bà là L1 có viết giấy xóa nợ nội dung giấy xóa nợ như bà N đã trình bày ở trên; Trước khi con bà viết giấy xóa nợ bà cũng đã nói hoàn cảnh gia đình bà khó khăn nên bà xin tiền lãi bà N đồng ý thì mới ký vào giấy xóa nợ chứ gia đình bà không ép buộc bà N vì còn có sự chứng kiến của chị H.

Nay bà N căn cứ vào 4 giấy vay tiền để khởi kiện bà tính đến hết ngày 06/5/2025 số tiền gốc là 544.950.000 đồng và số tiền lãi là 294.012.000 đồng (lãi suất tính là 0,8%/ tháng) và yêu cầu bà tiếp tục trả lãi từ ngày 07/5/2025 đến khi bà thanh toán hết nợ gốc cho bà N. Quan điểm của bà, bà đã trả hết tiền gốc cho bà N như giấy xóa nợ ngày 22/11/2024 các bên đã ký nhận còn 04 giấy vay tiền là bà N cộng gốc và lãi; đến nay bà không có căn cứ về việc bà N ép bà viết giấy vay nợ và bà cũng không tố cáo bà N đến cơ quan có thẩm quyền, bà đã viết và ký vào giấy vay tiền thì bà sẽ chịu trách nhiệm nhưng đề nghị tòa án xem xét việc bà N cộng lãi vào gốc nếu có căn cứ thì chấp nhận còn không thì bà cũng không có ý kiến gì; bà

cũng không đề nghị Tòa án giám định các tài liệu mà bà đã nộp cho Tòa án vì bà không có tiền và các tờ giấy cũng chỉ là bản nháp bà N đã viết và không ký nhận mà bà đề nghị Tòa án xem xét các khoản tiền bà đã trả cho bà N là 106.150.000 đồng tính vào tiền gốc bà đã trả cho bà N vì khi viết giấy bà N cũng không nói là bà trả lãi mà bà đã nói khó khăn xin bà N nên giấy xóa nợ cũng đã ghi số tiền lãi 0 đồng tức là bà chưa trả lãi mà mới trả gốc cho bà N. Tổng số tiền bà đã trả cho bà N là 376.150.000 đồng có giấy tờ còn các lần bà trả lẻ không có giấy tờ; tổng cộng bà đã trả cho bà N tiền gốc là 380 triệu đồng. Bà là con đẻ của liệt sỹ Vũ Văn T hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Tòa án miễn án phí cho bà.

3. *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh L1, anh Nguyễn Sỹ Đ đều trình bày:* Bố các anh là Nguyễn Sỹ Đ1, mẹ là Vũ Thị L; bố mẹ sinh được hai anh em là Nguyễn Sỹ Đ và Nguyễn Mạnh L1. Ông Nguyễn Sỹ Đ1 mất ngày 12/11/2024, khi chết ông Đ1 cũng không để lại tài sản gì. Ông Đ1 mắc bệnh hiểm nghèo nên phải bán hết nhà đất để chữa bệnh, do vậy ông Đ1, bà L không còn tài sản chung. Bà L đang phải đi thuê nhà để sinh sống.

Nay các anh được biết bà N đang kiện yêu cầu bà L phải trả tiền theo 4 giấy vay tiền. Số tiền bà L vay bà N không liên quan đến các anh, đây là khoản vay riêng của bà L, các anh không biết ông Đ1 có biết khoản vay này không, bà L cũng không dùng số tiền này để chi tiêu cho các anh hay gia đình. Do các anh không liên quan nên đề nghị Tòa án cho phép vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án.

Anh L2 trình bày thêm: có mấy lần anh đến nhà bà L thì thấy bà N đang ở đây, có thấy hai bà đang cãi nhau và bà N nói “mày viết đi tao có đòi hết tiền đâu mà mày sợ” lúc đó anh chỉ nghĩ bà L vay nhỏ lẻ 10 đến 20 triệu nên không quan tâm, anh không biết bà N có ép bà L viết giấy vay tiền không. Sau khi ông Đ1 mất thì thấy bà N thường đến nhà đòi nợ bà L, anh có hỏi thì bà L nói vay bà N 380 triệu, đã trả 110 triệu, còn lại 270 triệu, anh nói sẽ vay mượn để trả cho bà N. Ngày 22/11/2024 bà N sang nhà bà L, anh có gọi chị H hàng xóm sang làm chứng, khi về thấy bà L nói bà N cầm tiền đi rồi, anh bảo chị H chạy đuổi theo yêu cầu bà N quay về nhà bà L. Anh thấy giấy bà N viết cho bà L đang để trên bàn nên đọc nội dung và nói viết thế này không đúng và anh yêu cầu viết giấy xóa nợ để phòng sau này bà N không có căn cứ đòi bà L nữa. Anh đã viết giấy xóa nợ, vừa viết vừa đọc cho mọi người cùng nghe, viết xong bà L ký đầu tiên, bà N đọc và nói như này thì hơi thiệt cho tao quá, con trai bà N nói ký đi thì bà N mới ký. Chị H ký sau cùng. Sau đó anh chuyển khoản cho bà N 180 triệu, còn bà L đưa 90 triệu đồng tiền mặt trước khi viết giấy xóa nợ. Nay bà N lại tiếp tục đòi nợ bà L nên anh đề nghị Tòa án xem xét.

4. *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người làm chứng Vũ Thế A trình bày:* Anh là con trai bà N. Ngày 22/11/2024 mẹ anh có nhờ anh chở đến nhà bà L.

Khi đến nhà máy P anh dừng xe ngồi trên xe, còn mẹ anh xuống xe đi đâu không biết, một lúc sau anh thấy mẹ anh chạy ra vứt 1 cái túi màu xanh lên xe ô tô, một số người chạy theo yêu cầu mẹ anh vào nhà để làm việc. Anh sợ mẹ xảy ra chuyện nên vào cùng. Khi vào thấy có 1 nam thanh niên ít tuổi hơn anh, 02 người phụ nữ, mọi người nói chuyện về tiền nong, thấy họ nói chuyện bình thường nên anh đi ra xe ô tô, 1 lúc sau mẹ anh ra hai mẹ con đi về. Từ lúc anh cùng mẹ anh vào nhà đến khi anh đi ra anh không nói câu nào cả. Trên đường về mẹ anh và anh cũng không nói gì về các sự việc xảy ra. Anh không biết ai là người viết giấy xoá nợ như Toà án cho xem.

5. *Tại bản tự khai, người làm chứng chị Bùi Thị Thanh H trình bày:* Chị là hàng xóm của bà L. Ngày 22/11/2019 chị có đi ngang gần nhà bà L thì L2 là con bà L có gọi nhờ chị gọi bà N lại, L2 bảo bà N cầm 90 triệu của L2 đi đâu ấy nên chị bảo bà N quay lại nhà bà L. Bà L nói còn nợ bà N 270 triệu tiền gốc. Bà L và L2 trình bày hoàn cảnh khó khăn xin bà N trả gốc 270 triệu còn tiền lãi thì xin bà N. Lúc đầu bà N có nói nếu như vậy thì thiệt thòi cho bà nhưng bà L và L2 chấp tay xin bà N làm phúc, con trai bà N bảo bà N ký vào giấy xoá nợ, chị cũng nói đỡ vào nên bà N đồng ý ký vào giấy xoá nợ. Chị xác nhận giấy xoá nợ Toà án cho xem là do L2 viết, chị là người ký vào phần người làm chứng. Chị xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử của Toà án.

7. *Tại phiên tòa:*

- Bà Đỗ Thị N trình bày: bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà không chấp nhận xoá nợ cho bà L theo giấy xoá nợ, không nhất trí trừ số tiền 106.150.000 đồng bà L đã trả cho bà trừ vào tiền gốc mà trừ vào tiền lãi. Bà yêu cầu bà L phải trả nợ cho bà số tiền gốc còn nợ là 544.950.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/6/2025 là 303.953.600 đồng với mức lãi suất 0,8%/tháng, tổng là 848.903.600 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất 0,8%/tháng cho đến ngày bà L trả hết nợ cho bà. Chồng bà L đã chết, bà cũng không có chứng cứ 04 khoản vay trên có liên quan đến anh L2, anh Đ nên nếu anh L2, anh Đ chấp nhận trả nợ cùng với bà L thì tốt còn không bà cũng chỉ yêu cầu bà L vay bà thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

- Bà Vũ Thị L trình bày: Bà giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với giấy vay tiền ngày 14/01/2022 âm lịch nay bà nhớ lại đây là khoản tiền lãi của 03 khoản tiền bà vay năm 2019, bà không trả tiền lãi nên bà N đã cộng lại viết thành giấy vay tiền và yêu cầu bà ký. Tài liệu chứng cứ bà đã giao nộp cho Tòa án là 01 tờ lịch mặt sau tờ lịch bà N có ghi: tính cho em L, tính tiền lãi từ ngày 14-10 ... 13- 1 là 3 tháng, cộng các con số lại là 28.000 tức là tiền lãi tổng 28.000.000 đồng, không có chữ ký của bà N. Từ trước đến nay bà vay tiền của bà N đều phải trả lãi với mức lãi suất 4%/tháng (vay 100.000.000 đồng thì mỗi tháng trả lãi là 4.000.000 đồng); Ngày 22/11/2024 bà N đã ký giấy xoá nợ cho bà trong giấy

cũng viết rõ kể từ giờ bà và bà N không nợ nhau một đồng nào nữa. Do vậy bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Quá trình bà viết, ký giấy vay tiền bà không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự.

- Anh Nguyễn Mạnh L1 trình bày: anh giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Giấy xóa nợ mà bà L và bà N xuất trình tại Tòa án tuy nội dung anh viết có khác nhau về câu chữ nhưng chốt lại bà L đã trả cho bà N được số tiền gốc là 380.000.000 đồng, với số tiền lãi là 0 đồng. Khi anh viết xong bà N đọc giấy và nói như này thì hơi thiệt cho tao quá con trai bà N có nói bà N ký đi thì bà N đã ký. Việc mẹ anh vay tiền không liên quan đến 2 anh em anh, hai anh em anh cũng không được thừa kế tài sản của bố anh nên anh không nhất trí cùng bà L trả nợ cho bà N. Bà N đã ký giấy xóa nợ cho bà L nên đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho bà L.

- Anh Vũ Thế A trình bày: anh giữ nguyên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 22/11/2024 anh có vào nhà bà L nhưng anh không biết ai viết giấy xóa nợ và cũng không bảo bà N ký đi như anh L1 vừa khai trước Tòa án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 73 BLTTDS.

- Quan điểm về nội dung vụ án: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điều 228 BLTTDS; Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 BLDS năm 2015; khoản 3 điều 2, điều 6, điểm a khoản 1 điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Vũ Thị L. Buộc bà Vũ Thị L phải trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 851.128000 đồng, trong đó nợ gốc là 438.800.000đồng, nợ lãi là 412.328.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,8%/tháng cho đến khi trả hết nợ.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc buộc bà L phải trả số tiền gốc vay là 106.150.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà N, bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay theo 04 giấy vay tiền, bị đơn cư trú tại thành phố H, tỉnh Ninh Bình nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: anh Nguyễn Sỹ Đ, chị Bùi Thị Thanh H có văn bản trình bày ý kiến và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N về việc yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị L phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 544.950.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0,8%/tháng tính đến ngày 10/6/2025 là 303.953.600 đồng, T1 là 848.903.600 đồng và yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất 0,8%/ tháng từ ngày 11/7/2025 đến khi thanh toán xong nợ.

Tài liệu chứng cứ bà N giao nộp là 04 giấy vay tiền do bà L viết, ký ngày 11/11/2019 bà L vay bà N 359.000.000 đồng, lãi 12.040.000 đồng/tháng (tương đương 3,335%/tháng); Ngày 15/11/2019 bà L vay bà N 172.950.000 đồng, lãi 6.918.000 đồng/tháng (tương đương 4%/tháng); Ngày 28/11/2019 bà L vay bà N 255.000.000 đồng, lãi 8.840.000 đồng/tháng (tương đương 3,45%/tháng); ngày 14/01/2022 bà L vay bà N số tiền 28.000.000 đồng, lãi 840.000.000 đồng (tương đương 3%/tháng ; 03 giấy trả nợ, 01 giấy xóa nợ. Bà N khẳng định tất cả các giấy vay trên đều là tiền gốc không có việc cộng tiền lãi vào tiền gốc.

[2.2] Bà Vũ Thị Lan L thừa nhận có viết, ký vào 03 giấy vay tiền năm 2019 nhưng không phải toàn bộ là tiền gốc mà là tiền lãi cộng với tiền gốc, bà chỉ vay bà N tổng số tiền gốc là 380.000.000 đồng, cụ thể:

+ Giấy vay tiền ngày 11/11/2019 chỉ có 116.640.000 đồng là tiền gốc còn 243.000.000 đồng là tiền lãi; Tài liệu chứng cứ bà giao nộp cho Tòa án là một bản bà N viết nháp trên mặt sau của tờ tịch ghi “gốc 9.720.000 x 12th = 116.640.000 + lãi 243.000.000 = 359.640.000”, trong tờ giấy không ghi thời gian, không có chữ ký của bà N.

+ Giấy vay tiền ngày 15/11/2019 tiền gốc chỉ có 142.000.000 đồng còn tiền lãi là 46.245.000 đồng. Bà đã trả tiền mặt cho bà N là 15.300.000 đồng nên số tiền bà nợ lại bà N cả lãi và gốc số tiền là 172.945.000 đồng, viết làm tròn thành 172.950.000 đồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh bà giao nộp cho Tòa án là 01 tờ giấy kê ô ly vuông bà N viết “Cộng tròn từ ngày 15/11/019 ồng... là 172.945.000 đồng, trên tờ giấy không ghi thời gian.

+ Giấy vay ngày 28/11/2019 số tiền gốc là 110.000.000 đồng (bà vay 90.000.000 đồng, ông Đ1 vay 20.000.000 đồng) và tiền lãi là 165.680.000 đồng (tiền lãi khoản vay của bà 98.000.000 đồng, của ông Đ1 là 67.680.000 đồng), tổng là 255.680.000 đồng làm tròn thành số tiền là 255.000.000 đồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh bà giao nộp cho Tòa án là 01 tờ giấy nháp bà N đã tính và viết vào tờ giấy kê ô nội dung tính lãi các mốc thời gian: mặt 1 ghi 11 – 11 – 2018... mặt 2 ghi trên đầu 28-2-2019..., cuối tờ giấy ghi:

“67.680.000

188.000.000

255.680.000”,

tờ giấy không có chữ ký của bà N.

+ Giấy vay tiền ngày 14/01/2022 âm bà N có viết bà vay bà N số tiền 28.000.000 đồng, bà ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà không thừa nhận khoản vay này, tại phiên tòa bà khai nhận đây là khoản tiền lãi của 03 giấy vay tiền năm 2019, bà không trả tiền lãi nên bà N đã cộng lại viết giấy vay tiền và yêu cầu bà ký. Tài liệu chứng cứ bà đã giao nộp cho Tòa án là mặt sau của tờ lịch bà N có viết: tính cho em L, tính tiền lãi từ ngày 14-10 ...13- 1 là 3 tháng, cộng các con số lại là 28.000 tức là tiền lãi tổng 28.000.000 đồng, không có chữ ký của bà N, không có thỏa thuận lãi suất.

Ngoài ra bà L còn giao nộp nhiều tài liệu, chứng cứ khác và trình bày là các bản bà N viết nháp tính lãi các khoản bà vay bốc ồng; trong quyển sổ của bà, bà cũng ghi chép các khoản bà nợ bà N là tiền nợ ồng chuyển sang khoản vay....

Xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và lời khai của các đương sự thì thấy 04 giấy vay tiền do bà N giao nộp được bà L thừa nhận là người viết và ký với tổng số tiền vay là 814.950.000 đồng. Các tài liệu, chứng cứ mà bà L giao nộp để phản đối yêu cầu của bà N về việc các giấy vay tiền có cộng tiền lãi vào tiền

gốc là các tài liệu gốc được viết trên nhiều loại giấy khác nhau: viết ở mặt sau tờ lịch, viết trên giấy kẻ ô vuông, giấy kẻ ngang. Bà L trình bày là chữ của bà N, bà N không thừa nhận là chữ viết của bà N; bà L và bà N đều không đề nghị Tòa án giám định chữ viết. Xét thấy các tờ giấy bà L giao nộp không thể hiện nội dung cụ thể, thời gian, số tiền không trùng khớp với các giấy vay tiền, không có ký xác nhận của người viết nên không có căn cứ xác thực có mối liên hệ với các giấy vay tiền bà N khởi kiện; hơn nữa cộng các khoản tiền gốc mà bà L thừa nhận ở 3 giấy vay tiền là 368.640.000 đồng (116.640.000 đồng + 142.000.000 đồng + 90.000.000 đồng + 20.000.000 đồng) cũng không trùng khớp với số tiền gốc bà L đã thừa nhận là vay bà N tổng số tiền gốc 380.000.000 đồng.

Bà L khai bị bà N ép buộc ký giấy vay tiền có anh L1 chứng kiến nhưng lời khai của anh L1 khai cũng không biết bà N có ép bà L viết giấy vay tiền hay không, ngoài ra bà L cũng không có tài liệu, chứng cứ về việc bà bị ép buộc, cũng không tố cáo hành vi của bà N đến cơ quan có thẩm quyền, thời điểm viết giấy vay tiền bà L cũng không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do vậy không có căn cứ chấp nhận ý kiến phản đối của bà L về việc chỉ vay số tiền gốc là 380.000.000 đồng và có đủ căn cứ khẳng định bà L có vay của bà N tổng số tiền gốc là 814.950.000 đồng theo 04 giấy vay tiền nêu trên.

[2.3] Bà N và bà L đều thừa nhận bà L đã trả cho bà N nhiều lần tiền và 2 bên đã chốt lại tại 02 giấy trả nợ nội dung: từ ngày 20/01/2022 âm (20/02/2022 dương) đến ngày 4/3/2024 âm (12/4/2024 dương) bà L đã trả cho bà N số tiền là 46.150.000 đồng; từ ngày 29/12/2023 âm ngày 08/02/2024 dương lịch đến ngày 30/9/2024 dương lịch bà L đã trả cho bà N số tiền 60.000.000 đồng. Tổng là 106.150.000 đồng

Bà N yêu cầu trừ vào tiền lãi bà L trả cho bà vì bà cho vay lấy lãi theo tháng. Bà L không nhất trí và yêu cầu trừ vào tiền gốc.

Xét nội dung 02 giấy trả nợ thể hiện các bên chốt tổng số tiền trả nợ trong một khoảng thời gian, không viết rõ trả nợ vào tiền gốc hay tiền lãi; nếu đó là khoản tiền lãi như bà N trình bày thì phải thể hiện bà L trả lãi cho khoản vay nào trong 04 giấy vay tiền mà mỗi giấy vay tiền đều thể hiện số tiền lãi tính theo ngày tháng khác nhau, ngoài ra trong giấy xóa nợ ghi “ số tiền lãi là 0 đồng” nghĩa là bà L chưa trả cho bà N được số tiền lãi lần nào. Nên bà N yêu cầu tính số tiền 106.150.000 đồng trừ vào tiền lãi là không có căn cứ.

Do vậy Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc buộc bà L phải trả số tiền gốc vay là 106.150.000 đồng.

[2.4] Đối với giấy xóa nợ ghi ngày 22/11/2024, bà L và bà N mỗi người giao nộp một bản gốc cho Tòa án với nội dung không giống nhau:

Tại giấy bà L giao nộp có nội dung “Tên tôi là Vũ Thị Ltôi có vay của chị Đỗ Thị N số tiền 380 triệu đồng, sau khi đã trả tôi còn nợ lại 270 triệu, hôm này ngày 22/11/2024 tôi đã trả đủ số tiền còn lại là 270 triệu với số tiền lãi là 0 đồng...kể từ giờ giữa tôi và chị Đỗ Thị N không nợ nhau một đồng nào nữa”.

Tại giấy bà N giao nộp có nội dung “Tên tôi là Vũ Thị Ltôi có vay của bà Đỗ Thị N, sau khi đã trả 110.000.000 đồng còn vay số tiền 270 triệu, hôm này ngày 22/11/2024 tôi đã trả đủ số tiền còn lại là 270 triệu với số tiền lãi là 0 đồng... kể từ giờ tôi không còn nợ chị Đỗ Thị N một đồng nào nữa”.

phía dưới cả hai giấy các bên đều có chữ ký của bà L, chị H; bà N viết “tôi có nhận 1 khoản vay 270 triệu” và ký nhận.

Căn cứ lời trình bày của bà N, bà L, chị H, anh L1 xác định ngày 22/11/2024 bà L đã trả cho bà N số tiền 270.000.000 đồng. Hai giấy xóa nợ nêu trên đều do anh L1 viết rồi đưa cho bà L, bà N mỗi người giữ một bản. Bà L trình bày giấy này là căn cứ chứng minh bà không còn nợ bà N khoản tiền nào; bà N trình bày mục đích bà ký giấy xóa nợ là để nhận được số tiền gốc 270 triệu đồng. Thực chất khi ký giấy xóa nợ bà N đã viết “tôi có nhận 01 khoản vay 270 triệu”, và trong 01 tờ giấy ghi ngày 22/11/2024 bà N viết và bà L ký nhận cũng thể hiện nội dung “tôi có nhận của chị L số tiền gốc là 270.000.000 đồng khoản vay này là hết” tức là ngày 22/11/2024 bà N chỉ nhận khoản vay 270 triệu đồng; Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà L về việc đã trả hết nợ cho bà N; chấp nhận khoản tiền 270.000 đồng bà L đã trả cho bà N là trả vào khoản tiền gốc.

[2.5] Bà L trình bày đã trả cho bà N được tổng số tiền là 380.000.000 đồng trong đó trả 376.150.000 đồng là có giấy tờ còn các lần trả lẻ khác không có giấy tờ. Bà N chỉ xác nhận tổng số tiền bà L đã trả cho là 376.150.000 đồng. Ngoài lời trình bày của bà L không có tài liệu chứng cứ nào khác, một số tài liệu chứng cứ bà L xuất trình về việc trả nợ đã được gạch xóa nên không có giá trị pháp lý; Do vậy chỉ chấp nhận tổng số tiền gốc bà L đã trả cho bà N từ khi vay đến nay 376.150.000 đồng. Bà L còn phải trả bà N số tiền gốc còn lại là 814.950.000đồng - 376.150.000đồng = 438.800.000 đồng.

[2.6] Về lãi suất: Từ khi khởi kiện đến nay bà N không yêu cầu tính lãi theo 04 giấy vay tiền mà bà đã ghi trong giấy vay tiền và chỉ yêu cầu bà L phải trả lãi cho bà với mức lãi suất là 0,8%/tháng trên nợ gốc chưa trả đến khi bà L trả hết nợ cho bà. Bà không đồng ý xóa nợ lãi cho bà L.

Bà L thừa nhận từ trước đến nay bà vay tiền bà N là vay phải trả lãi với mức lãi suất 4%/tháng nhưng bà khó khăn nên chưa trả lãi cho bà N, ngày 22/11/2024 bà N đã đồng ý xóa nợ cho bà theo giấy xóa nợ nên bà không chấp nhận trả tiền lãi cho bà N.

Xét các giấy vay tiền không ghi rõ thời hạn trả nợ nhưng lời khai của bà N khai khi nào đòi thì phải thu xếp trả. Bà L cũng thừa nhận bà N đến nhà bà yêu cầu trả nợ nhiều lần và bà đã trả cho bà N được một số tiền nhưng sau đó nợ lại không có tiền trả.

Do vậy xác định 04 giấy vay tiền là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi. Việc bị đơn không trả số tiền vay trên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự. Bà N không đồng ý xóa lãi cho bà L nên bà L phải trả tiền lãi trên nợ gốc cho bà N.

Việc bà N yêu cầu tính lãi suất là 0,8/tháng mà không yêu cầu tính lãi theo các giấy vay tiền là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Bà N cho bà L vay tiền ở các thời điểm khác nhau, khi bà L trả nợ hai bên không ghi trả nợ cho giấy vay nào, số tiền từng lần trả nợ cụ thể mà chỉ chốt lại tổng số tiền tại thời điểm trả nợ. Để việc tính lãi suất được đảm bảo theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế vay, trả của các bên đương sự, trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn nên tiền lãi được tính như sau:

- Ngày 04/3/2024 âm lịch (tức ngày 12/4/2024 dương lịch) bà L trả cho bà N số tiền 46.150.000 đồng nên số tiền lãi của 4 khoản vay:

+ Số tiền lãi của khoản vay 359.000.000 đồng từ ngày 06/12/2019 đến ngày 12/4/2024 dương lịch là 52 tháng 06 ngày: $359.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (52 + 6/30) \text{ tháng} = 149.918.400 \text{ đồng}$.

+ Số tiền lãi của khoản vay 172.950.000 đồng từ ngày 10/12/2019 đến ngày 12/4/2024 dương lịch là 52 tháng 2 ngày: $172.950.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (52 + 2/30) \text{ tháng} = 72.039.440 \text{ đồng}$.

+ Số tiền lãi của khoản vay 255.000.000 đồng từ ngày 23/12/2019 đến ngày 12/4/2024 là 51 tháng 19 ngày: $255.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (51 + 19/30) \text{ tháng} = 105.332.000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền lãi của khoản vay 28.000.000 đồng từ ngày 14/02/2024 đến ngày 12/4/2024 là 25 tháng 28 ngày: $28.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (25 + 28/30) \text{ tháng} = 5.809.066 \text{ đồng}$.

Tính đến ngày 12/4/2024 tổng số tiền gốc bà L còn nợ bà N là 814.950.000 đồng – 46.150.000 đồng = 768.800.000 đồng; tổng số tiền lãi bà L nợ bà N là 333.098.906 đồng.

- Ngày 30/9/2024 dương lịch bà L trả cho bà N được số tiền gốc là 60.000.000 đồng nên số tiền gốc, lãi bà L phải trả cho bà N tính từ ngày 13/4/2024 đến ngày 30/9/2024 là 07 tháng 17 ngày:

Số tiền gốc là: 768.800.000 đồng - 60.000.000 đồng = 708.800.000 đồng.

Số tiền lãi là: $768.800.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (7 + 17/30) \text{ tháng} = 46.538.026 \text{ đồng}$;

- Ngày 22/11/2024 dương lịch bà L trả cho bà N được số tiền gốc là 270.000.000 đồng nên số tiền gốc, tiền lãi bà L còn phải trả cho bà N tính từ ngày 1/10/2024 đến ngày 22/11/2024 là 01 tháng 21 ngày:

Số tiền gốc: $708.800.000 \text{ đồng} - 270.000.000 \text{ đồng} = 438.800.000 \text{ đồng}$

Số tiền lãi là: $708.800.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (1 + 21/30) \text{ tháng} = 9.639.680 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi của số tiền gốc 438.800.000 đồng tính từ ngày 23/11/2024 đến ngày xét xử 10/6/2025 là 06 tháng 17 ngày: $438.800.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (6 + 17/30) \text{ tháng} = 23.051.626 \text{ đồng}$.

Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định 10%/năm tương đương với mức lãi suất 0,83%/tháng trường hợp các bên không có thỏa thuận. Bà N yêu cầu bà L phải trả lãi suất 0,8%/tháng đến khi bà L trả nợ xong. Xét yêu cầu của bà N là có căn cứ và có lợi cho bà L nên chấp nhận kể từ ngày 11/6/2025, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bà N yêu cầu là 0,8%/tháng cho đến khi bà L trả xong nợ cho bà N.

[2.7] Quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày các khoản bà vay bà N là để chi tiêu cho gia đình, ông Nguyễn Sỹ Đ1 là chồng bà có biết; trong 03 giấy vay tiền năm 2019 bà L đều viết “tôi Vũ Thị L chồng Nguyễn Sỹ Đ1...”. Tháng 11/2024 ông Đ1 chết, vợ chồng bà L ông Đ1 có hai người con chung là anh Nguyễn Sỹ Đ và Nguyễn Mạnh L1, bà N đề nghị đưa anh Đ, anh L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng bà L. UBND xã N, thành phố H xác nhận hoàn cảnh của bà L đã bán nhà để trả nợ, hiện không có nhà đất tại xã và đang đi ở nhà thuê. Anh Đ, anh L1 cũng trình bày không biết, không liên quan đến khoản vay của bà L, không được thừa kế tài sản nào từ ông Đ1, không đồng ý trả nợ cùng bà L. Bà N sau khi anh L1 và anh Đ trình bày cũng thay đổi yêu cầu chỉ buộc bà L trả nợ theo yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do vậy chỉ mình bà L chịu trách nhiệm trả nợ cho bà N, không có căn cứ buộc anh Đ, anh L1 liên đới cùng trả nợ với bà L cho bà N.

[2.8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N: buộc bà Vũ Thị L phải trả cho bà Đỗ Thị N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/6/2025 là 851.128.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 438.800.000 đồng; Tiền lãi: 412.328.238 đồng làm tròn thành: 412.328.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc buộc bà L phải trả số tiền gốc vay là 106.150.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận. Một phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, bị đơn là thân nhân liệt sỹ được UBND xã N, thành phố H xác nhận nên đều được miễn án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Bà N đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện nên không phải xem xét trả lại tiền tạm ứng án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 117, Điều 119, Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 3 điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N đối với bà Vũ Thị L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Vũ Thị L phải trả cho bà Đỗ Thị N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/6/2025 là 851.128.000 đồng (tám trăm năm mươi một triệu, một trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó:

Nợ gốc là 438.800.000 đồng;

Nợ lãi là 412.328.000 đồng.

theo giấy vay tiền ngày 11/11/2019, giấy vay tiền ngày 15/11/2019, giấy vay tiền ngày 28/11/2019 và giấy vay tiền ngày 14/01/2022 (đều là ngày âm lịch) được ký giữa bà N và bà L.

Kể từ ngày 11/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 0,8%/tháng cho đến khi bà L trả hết nợ cho bà N.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc buộc bà Vũ Thị L phải trả số tiền gốc vay là 106.150.000 đ (một trăm linh sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị N và bà Vũ Thị L.

Án xử sơ thẩm công khai bà N, bà L, anh L1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Hoa Lư;
- Chi cục THA DS TP Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giang Thị Thúy Thu

